|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  Số: /2025/NĐ-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**Dự thảo**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về khu công nghệ số tập trung**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về khu công nghệ số tập trung.*

# Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc phương hướng xây dựng, phương hướng phát triển khu công nghệ số tập trung; thành lập, mở rộng, công nhận khu công nghệ số tập trung; quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung; cơ chế, chính sách và quản lý nhà nước đối với khu công nghệ số tập trung.

## Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, thành lập, mở rộng, công nhận khu công nghệ số tập trung; hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh trong khu công nghệ số tập trung và các hoạt động khác có liên quan đến khu công nghệ số tập trung.

## Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ quan đăng ký đầu tư tại Nghị định này là Sở Tài chính hoặc Ban quản lý khu công nghiệp tùy theo phân công của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Mở rộng khu công nghệ số tập trung là việc điều chỉnh tăng quy mô diện tích của khu công nghệ số tập trung đã được thành lập, trong đó khu vực mở rộng có ranh giới, vị trí địa lý liền kề hoặc tách biệt.

3. Tỷ lệ lấp đầy của khu công nghệ số tập trung là tỷ lệ phần trăm (%) diện tích đất (bao gồm cả đất có mặt nước) đã được giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghệ số tập trung trên tổng diện tích đất được quy hoạch để giao, cho thuê theo quy hoạch phân khu chức năng của khu công nghệ số tập trung.

4. Dự án đầu tư trong khu công nghệ số tập trung là dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về công nghiệp công nghệ số, đầu tư và dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

## Điều 4. Mục tiêu của khu công nghệ số tập trung

Khu công nghệ số tập trung có các mục tiêu sau:

1. Hình thành trung tâm về công nghệ số, tạo hạ tầng cho ứng dụng và phát triển công nghệ số; thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số; hình thành trung tâm nghiên cứu - phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, phục vụ cho việc đào tạo, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ số; ươm tạo doanh nghiệp công nghệ số.

2. Hình thành trung tâm cung cấp hạ tầng và các dịch vụ công nghệ số tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động đầu tư nhằm thu hút vốn, công nghệ trong và ngoài nước, góp phần xây dựng ngành công nghiệp công nghệ số trở thành ngành công nghiệp nền tảng của quốc gia.

3. Tạo môi trường làm việc đạt tiêu chuẩn quốc tế, thu hút lao động chất lượng cao, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.

4. Tạo ra các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số có khả năng thay thế nhập khẩu, góp phần thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực.

5. Góp phần tăng trưởng kinh tế, nâng cao trình độ công nghệ sản xuất và sức cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp Việt Nam; nâng cao vị thế, thương hiệu công nghệ số Việt Nam.

## Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ số tập trung

Khu công nghệ số tập trung có chức năng, nhiệm vụ sau đây:

1. Thực hiện và liên kết các hoạt động nghiên cứu - phát triển, ứng dụng, chuyển giao về công nghệ số.

2. Sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ số, cung ứng dịch vụ công nghệ số.

3. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực công nghệ số.

4. Ươm tạo công nghệ số và doanh nghiệp công nghệ số.

5. Xúc tiến thương mại; Tổ chức hội chợ, triển lãm, trình diễn sản phẩm và dịch vụ công nghệ số; Xúc tiến đầu tư trong nước và ngoài nước để thúc đẩy hoạt động công nghiệp công nghệ số.

6. Cung cấp hạ tầng, dịch vụ và các điều kiện cần thiết để tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghệ số tập trung thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều này.

## Điều 6. Các hoạt động đầu tư vào khu công nghệ số tập trung

Các hoạt động đầu tư vào khu công nghệ số tập trung bao gồm:

1. Xây dựng và kinh doanh các công trình hạ tầng kỹ, tòa nhà văn phòng làm việc, cơ sở sản xuất phục vụ cho các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ số.

2. Nghiên cứu - phát triển, chuyển giao ứng dụng về công nghệ số.

3. Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm phần mềm và dịch vụ công nghệ số; Sản xuất, kinh doanh sản phẩm phần cứng, điện tử thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm.

4. Nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm bán dẫn và sản xuất thiết bị, máy móc, công cụ phục vụ cho các hoạt động này.

5. Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực công nghệ số.

6. Ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp công nghệ số; xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư về công nghệ số.

7. Xây dựng hạ tầng công nghiệp công nghệ số;

8. Cung cấp dịch vụ phục vụ các hoạt động trong khu công nghệ số tập trung.

## Điều 7. Tổ chức các phân khu chức năng của khu công nghệ số tập trung

1. Khu công nghệ số tập trung được tổ chức thành 02 nhóm phân khu chức năng chính:

a) Nhóm phân khu thực hiện hoạt động công nghiệp công nghệ số, bao gồm:

- Phân khu sản xuất, kinh doanh sản phẩm và dịch vụ công nghệ số;

- Phân khu nghiên cứu - phát triển, tư vấn, đào tạo, vườn ươm công nghệ số;

- Phân khu văn phòng, trụ sở làm việc phục vụ công tác quản lý, điều hành;

- Phân khu công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối như điện, nước, viễn thông, xử lý môi trường, phòng cháy, chữa cháy và các hạ tầng kỹ thuật khác;

- Phân khu trưng bày, hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm và truyền thông;

- Phân khu chức năng khác thực hiện các chức năng của khu công nghệ số tập trung.

b) Nhóm phân khu cung cấp dịch vụ cho khu công nghệ số tập trung, bao gồm:

- Phân khu dịch vụ dân sinh (giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao,…);

- Phân khu dịch lưu trú;

- Phân khu tài chính hoặc liên kết tài chính, ngân hàng;

- Phân khu khác cung cấp các dịch vụ cho khu công nghệ số tập trung.

2. Khu công nghệ số tập trung có thể không có đầy đủ các phân khu chức năng như quy định tại Khoản 1 Điều này, nhưng tổng diện tích đất Nhóm phân khu thực hiện hoạt động công nghiệp công nghệ số phải bảo đảm chiếm tối thiểu 60% diện tích đất xây dựng. Việc quy hoạch xây dựng các phân khu chức năng có thể tập trung hoặc phân tán phù hợp với điều kiện thực tế của từng khu công nghệ số tập trung.

3. Mật độ xây dựng của khu công nghệ số tập trung đáp ứng đồng thời các chỉ tiêu sau:

a) Mật độ xây dựng thuần của lô đất xây dựng tòa nhà, cơ sở sản xuất tối đa là 60% diện tích lô đất;

b) Tỷ lệ cây xanh, giao thông, các khu kỹ thuật tối thiểu 21% diện tích toàn khu trở lên.

## Điều 8. Phương hướng phát triển khu công nghệ số tập trung trong quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng

1. Phương hướng phát triển khu công nghệ số tập trung là một nội dung trong quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng có liên quan.

2. Nội dung phương hướng phát triển khu công nghệ số tập trung bao gồm mục tiêu, định hướng, phương hướng phân bổ không gian, tổ chức thực hiện và giải pháp về phát triển khu công nghệ số tập trung trong kỳ quy hoạch.

3. Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, phát triển khu công nghệ số tập trung quy mô lớn, chuyên biệt phù hợp với định hướng, mục tiêu phát triển của từng vùng kinh tế trọng điểm theo Quy hoạch tổng thể quốc gia.

## Điều 9. Phương án phát triển khu công nghệ số tập trung trong quy hoạch tỉnh

1. Phương án phát triển khu công nghệ số tập trung là một nội dung của quy hoạch tỉnh.

2. Nội dung phương án phát triển khu công nghệ số tập trung bao gồm:

a) Mục tiêu, định hướng, tổ chức thực hiện và giải pháp về phát triển hệ thống khu công nghệ số tập trung trong kỳ quy hoạch;

b) Danh mục khu công nghệ số tập trung trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Thể hiện phương án phát triển hệ thống khu công nghệ số tập trung trên bản đồ quy hoạch;

3. Nội dung Danh mục các khu công nghệ số tập trung trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bao gồm:

a) Tên của khu công nghệ số tập trung;

b) Quy mô diện tích và địa điểm dự kiến xây dựng của khu công nghệ số tập trung.

4. Việc lập Danh mục các khu công nghệ số tập trung trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Phát triển khu công nghệ số tập trung với quy mô hợp lý về diện tích mặt bằng, phân bổ hợp lý về ngành nghề chuyên môn, vị trí địa lý để đảm bảo hiệu quả đầu tư; Trong đó ưu tiên phần đất đã được quy hoạch cho xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế và các khu chức năng khác để xây dựng khu công nghệ số tập trung;

b) Khu công nghệ số tập trung phải có khả năng kết nối đồng bộ với hệ thống các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và có khả năng thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, huy động các nguồn lực để phát triển khu khu công nghệ số tập trung;

c) Đáp ứng quy định về bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, phòng, chống thiên tai, bảo vệ đê điều, hành lang bảo vệ bờ biển, sử dụng đất lấn biển, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, di sản thiên nhiên;

d) Phù hợp với phương hướng xây dựng khu công nghệ số tập trung trong quy hoạch ngành quốc gia có liên quan.

5. Trường hợp điều chỉnh phương án phát triển khu công nghệ số tập trung trong Quy hoạch tỉnh phải phù hợp với định hướng phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, hạ tầng số.

6. Phương án phát triển khu công nghệ số tập trung là cơ sở để tổ chức:

a) Lập, điều chỉnh quy hoạch xây dựng mới và mở rộng khu công nghệ số tập trung;

b) Lập, điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ sự phát triển của khu công nghệ số tập trung.

# Chương II THÀNH LẬP, MỞ RỘNG VÀ CÔNG NHẬN KHU CÔNG NGHỆ SỐ TẬP TRUNG

**Mục 1  
THÀNH LẬP, MỞ RỘNG KHU CÔNG NGHỆ SỐ TẬP TRUNG**

## Điều 10. Điều kiện thành lập khu công nghệ số tập trung

Điều kiện thành lập khu công nghệ số tập trung, bao gồm:

1. Phù hợp với chính sách của Nhà nước về phát triển công nghệ số, công nghiệp công nghệ số: Phù hợp với mục tiêu, định hướng tại các chiến lược, chương trình, kế hoạch quốc gia, cấp bộ, ngành (nếu có) về phát triển kinh tế số, chuyển đổi số, công nghiệp công nghệ số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, các lĩnh vực ứng dụng công nghệ số trọng điểm, công nghệ chiến lược.

2. Phù hợp với Quy hoạch ngành quốc gia có liên quan; Phù hợp với Quy hoạch tỉnh trong đó thuộc Danh mục các khu công nghệ số tập trung hoặc danh mục khu chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất tại địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy hoạch khác có liên quan đảm bảo sử dụng tài nguyên đất tiết kiệm, hiệu quả.

3. Quy mô diện tích và tổ chức phân khu chức năng:

a) Khu công nghệ số tập trung có quy mô diện tích đất tối thiểu từ 10 (mười) ha trở lên. Đối với khu công nghệ số tập trung tập trung chỉ tập trung về sản xuất phần mềm, sản phẩm nội dung số và cung cấp dịch vụ công nghệ số có quy mô diện tích đất tối thiểu từ 02 (hai) ha trở lên;

b) Quy hoạch xây dựng và tổ chức phân khu chức năng của khu công nghệ số tập trung phù hợp theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

4. Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ số tập trung theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

5. Các khu công nghệ số tập trung đang hoạt động trên địa bàn có diện tích đất của nhóm phân khu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ số tập trung đã cho thuê, thuê lại đạt tối thiểu 60%.

6. Có khả năng kết nối đồng bộ, thuận lợi với hạ tầng số, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội thiết yếu bên ngoài khu công nghệ số tập trung.

7. Bảo đảm các yêu cầu về quốc phòng, an ninh.

## Điều 11. Điều kiện mở rộng khu công nghệ số tập trung

Điều kiện mở rộng khu công nghệ số tập trung, bao gồm:

1. Đối với khu công nghệ số tập trung mở rộng tại khu vực liền kề với khu công nghệ số tập trung phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại các Khoản 1, 2, 4 và 7 Điều 10 Nghị định này.

2. Đối với khu công nghệ số tập trung mở rộng tại khu vực tách biệt với khu công nghệ số tập trung phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 10 Nghị định này.

3. Hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đã được cơ bản đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

4. Diện tích đất của nhóm phân khu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ số tập trung đã cho thuê, thuê lại đạt tối thiểu 70%.

**Mục 2  
CÔNG NHẬN KHU CÔNG NGHỆ SỐ TẬP TRUNG**

## Điều 12. Tiêu chí công nhận khu công nghệ số tập trung

Tiêu chí công nhận khu công nghệ số tập trung, bao gồm:

1. Có hoạt động phù hợp các chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ số tập trung được quy định tại Điều 5 Nghị định này.

2. Có tối thiểu 2.000 lao động làm việc chuyên môn về công nghệ số, chiếm tối thiểu 60% tổng số lao động làm việc trong khu công nghệ số tập trung. Đối với khu công nghệ số tập trung chỉ tập trung hoạt động sản xuất phần mềm, nội dung số và cung cấp dịch vụ công nghệ số phải có tối thiểu 1.000 lao động làm việc chuyên môn về công nghệ số, chiếm tối thiểu 60% tổng số lao động làm việc trong khu công nghệ số tập trung.

3. Có quy mô diện tích đáp ứng theo quy định tại điểm a hoặc điểm b, khoản 3 Điều 10 Nghị định này.

4. Tổ chức các phân khu chức năng phù hợp theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này.

## Điều 13. Nguyên tắc, thẩm quyền và điều kiện công nhận khu công nghệ số tập trung

1. Các khu chức năng đang hoạt động đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này được xem xét công nhận là khu công nghệ số tập trung.

2. Các khu chức năng được công nhận là khu công nghệ số tập trung phải thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều 5 và chỉ được thu hút các hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 6 của Nghị định này.

3. Việc công nhận khu công nghệ số tập trung là căn cứ để áp dụng chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ số tập trung cho nhà đầu tư hạ tầng và các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghệ số tập trung.

## Điều 14. Trình tự, thủ tục và nội dung thẩm định công nhận khu công nghệ số tập trung

1. Hồ sơ công nhận khu công nghệ số tập trung, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung của Nhà đầu tư;

b) Giấy chứng nhận đầu tư cấp cho Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu chức năng;

c) Báo cáo tổng thể hoạt động khu chức năng bao gồm các nội dung: (i) Tổng quan về khu chức năng (quá trình hình thành phát triển, mô hình tổ chức quản lý; tổng mức đầu tư qua các giai đoạn,...); (ii) Thuyết minh sự phù hợp các tiêu chí quy định tại Điều 13 của Nghị định này và các tài liệu chứng minh kèm theo; (iii) Báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư; (iv) Báo cáo tài chính (nếu có); (v) Báo cáo đánh giá tác động kinh tế - xã hội và môi trường; (vi) Các giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng, quy hoạch và quản lý sau khi được công nhận là khu công nghệ số tập trung; (vii) Bản mô tả phương hướng phát triển (mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, hoạt động đầu tư trong lĩnh vực công nghệ số).

2. Trình tự, thủ tục thực hiện:

a) Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị công nhận khu công nghệ số tập trung trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định công nhận khu công nghệ số tập trung căn cứ theo các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều này.

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản đến nhà đầu tư để bổ sung, sửa đổi hồ sơ. Thời gian bổ sung, sửa đổi hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

3. Nội dung thẩm định công nhận khu công nghệ số tập trung:

a) Cơ sở pháp lý và sự cần thiết của việc công nhận khu công nghệ số tập trung;

b) Thuyết minh khả năng đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại [Điều 12](#_rxohjmgjhyr0) của Nghị định này;

c) Giải pháp tổ chức thực hiện việc xây dựng, quy hoạch và quản lý khu công nghệ số tập trung sau khi được công nhận.

## Điều 15. Đánh giá hiệu quả, thu hồi hoặc chấm dứt hiệu lực Quyết định công nhận khu công nghệ số tập trung

1. Định kỳ sau 05 năm kể từ ngày có Quyết định công nhận khu công nghệ số tập trung, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với thực hiện đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 12 của Nghị định này đối với các khu công nghệ số tập trung được công nhận theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi hoặc chấm dứt hiệu lực Quyết định công nhận khu công nghệ số tập trung trong các trường hợp sau:

a) Khu công nghệ số tập trung vi phạm quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đất đai, pháp luật về môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến không bảo đảm được chức năng, nhiệm vụ khu công nghệ số tập trung;

b) Khu công nghệ số tập trung không đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này;

c) Theo đề nghị bằng văn bản của Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung về việc huỷ bỏ công nhận khu công nghệ số tập trung.

# Chương III ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ SỐ TẬP TRUNG

**Mục 1  
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG   
KHU CÔNG NGHỆ SỐ TẬP TRUNG**

## Điều 16. Quy hoạch xây dựng khu công nghệ số tập trung

1. Quy hoạch xây dựng khu công nghệ số tập trung được lập trên cơ sở phương án phát triển khu công nghệ số tập trung trong quy hoạch tỉnh. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng khu công nghệ số tập trung được thực hiện theo quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng đối với khu chức năng.

2. Quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghệ số tập trung được phê duyệt là cơ sở để tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng trong trường hợp cần thiết; Tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công; tổ chức lập hồ sơ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung sử dụng nguồn vốn khác thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư.

3. Khi lập quy hoạch phân khu xây dựng trong khu công nghệ số tập trung thuộc khu vực có quy hoạch chung xây dựng hoặc quy hoạch chung đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không cần lập nhiệm vụ quy hoạch. Khi lập quy hoạch chi tiết xây dựng trong khu công nghệ số tập trung tại khu vực có trong quy hoạch chung xây dựng (nếu có), quy hoạch phân khu xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không cần lập nhiệm vụ.

4. Đơn vị quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác khu công nghệ số tập trung phối hợp với cơ quan chuyên môn về quy hoạch, xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức quản lý hoạt động quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng trong khu công nghệ số tập trung theo quy định của pháp luật.

## Điều 17. Trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung

1. Trình tự, thủ tục quyết định, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định sau đây:

a) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung phải có nội dung thuyết minh việc đáp ứng các điều kiện tương ứng theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định này;

b) Nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi bao gồm các nội dung theo quy định của pháp luật về đầu tư công và việc đáp ứng các điều kiện tương ứng theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định này.

2. Trình tự, thủ tục đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định sau đây:

a) Đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi trong hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư phải có nội dung thuyết minh việc đáp ứng các điều kiện tương ứng theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định này; thuyết minh việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định này (đối với trường hợp chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư);

b) Nội dung thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư bao gồm các nội dung theo quy định của pháp luật về đầu tư và việc đáp ứng các điều kiện tương ứng theo quy định tại Điều 10, Điều 11 và khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (đối với trường hợp chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư).

## Điều 18. Điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung

1. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Điều kiện kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản.

b) Điều kiện để được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trường hợp nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung là tổ chức kinh tế do nhà đầu tư nước ngoài dự kiến thành lập theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp thì tổ chức kinh tế dự kiến thành lập phải có khả năng đáp ứng điều kiện để được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực công nghệ số cho chính doanh nghiệp và không cho thuê thì không phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp chọn áp dụng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thì các tiêu chuẩn đánh giá để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung bao gồm:

a) Năng lực của nhà đầu tư được xây dựng trên cơ sở các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Tiêu chuẩn đánh giá về kinh nghiệm của nhà đầu tư được xây dựng trên cơ sở quy mô diện tích, tiến độ thực hiện, tình hình thực hiện của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung, khu chức năng hoặc dự án bất động sản khác mà nhà đầu tư đã thực hiện hoặc đã góp vốn chủ sở hữu để thực hiện dự án; chủ sở hữu, thành viên, cổ đông sáng lập là tổ chức của nhà đầu tư đã thực hiện hoặc đã góp vốn chủ sở hữu để thực hiện dự án.

c) Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở nội dung Quyết định phê duyệt quy hoạch xây dựng khu công nghệ số tập trung, Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung.

d) Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính - thương mại được xây dựng trên cơ sở nội dung Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung và quy định khác của pháp luật có liên quan đến lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

**Mục 2  
DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG KHU CÔNG NGHỆ SỐ TẬP TRUNG**

## Điều 19. Thực hiện dự án đầu tư lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trong khu công nghệ số tập trung

1. Dự án đầu tư vào khu công nghệ số tập trung chỉ được thực hiện các hoạt động quy định tại Điều 6 Nghị định này.

2. Cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong khu công nghệ số tập trung theo quy định pháp luật về đầu tư, pháp luật về công nghệ số và các quy định pháp luật liên quan khác.

Đối với dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, Cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan (nếu cần) để đánh giá sự phù hợp về mục tiêu, công nghệ, sản phẩm, dịch vụ của dự án theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị định này. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

3. Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nếu có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư để áp dụng ưu đãi, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho cơ quan đăng ký đầu tư để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

## Điều 20. Thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thứ cấp trong khu công nghệ số tập trung

1. Đối với khu công nghệ số tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước, các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thứ cấp trong khu công nghệ số tập trung bằng nguồn vốn khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư.

2. Dự án đầu tư trong khu công nghệ số tập trung có sử dụng đất phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định khoản 1 Điều này trước khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

**Mục 3  
HỖ TRỢ, ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI   
KHU CÔNG NGHỆ SỐ TẬP TRUNG**

## Điều 21. Hỗ trợ đầu tư xây dựng khu công nghệ số tập trung

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển khu công nghệ số tập trung, đề xuất việc sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước chi cho đầu tư phát triển để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ đầu tư xây dựng khu công nghệ số tập trung, bao gồm:

a) Chuẩn bị đầu tư;

b) Lập quy hoạch xây dựng;

c) Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

d) Rà phá bom mìn, vật nổ;

đ) San lấp mặt bằng;

e) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghệ số tập trung theo quy hoạch xây dựng khu công nghệ số tập trung đã được phê duyệt;

g) Xây dựng hạ tầng công nghiệp công nghệ số thiết yếu, dùng chung phục vụ hoạt động của doanh nghiệp trong khu công nghệ số tập trung;

h) Xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ngoài hàng rào khu công nghệ số tập trung đảm bảo kết nối đồng bộ, phục vụ hoạt động của khu công nghệ số tập trung và người lao động làm việc trong khu công nghệ số tập trung;

i) Xây dựng trụ sở tổ chức quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác khu công nghệ số tập trung.

2. Khu công nghệ số tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn khác, tùy theo điều kiện thực tế, Nhà nước có thể xem xét ưu tiên hỗ trợ một phần kinh phí cho các nội dung từ điểm a đến điểm h khoản 1 Điều này.

3. Việc sử dụng các nguồn vốn tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, đầu tư, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đất đai, xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan.

## Điều 22. Ưu đãi đối với khu công nghệ số tập trung

1. Khu công nghệ số tập trung được áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư quy định tại Điều 24 Luật Công nghiệp công nghệ số và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Các khoản thu nhập bao gồm tiền lương, tiền công của nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao làm việc trong khu công nghệ số được miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng đầu tiên tổ chức, doanh nghiệp trong khu.

3. Các dự án đầu tư xây dựng trung tâm nghiên cứu và phát triển, dự án đầu tư về lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trong khu công nghệ số tập trung được áp dụng quy định thủ tục đầu tư đặc biệt tại Điều 36a Luật Đầu tư.

**Chương IV  
QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC KHU CÔNG NGHỆ SỐ TẬP TRUNG**

## Điều 23. Quản lý tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước

1. Kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước là một loại tài sản kết cấu hạ tầng được quản lý, sử dụng, khai thác, vận hành theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung được ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư công trình kết cấu hạ tầng hoặc các hạng mục khác trong khu công nghệ số tập trung có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng và vận hành công trình kết cấu hạ tầng hoặc hạng mục công trình đó để phục vụ hoạt động đầu tư và sản xuất, kinh doanh của các nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân trong khu công nghệ số tập trung.

Trong trường hợp này, nhà đầu tư không được tính giá trị tài sản công vào tổng vốn đầu tư của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung và chi phí để tính giá cho thuê đất, giá cho thuê lại đất, các loại phí sử dụng hạ tầng đối với các dự án đầu tư trong khu công nghệ số tập trung.

## Điều 24. Mô hình, chức năng của đơn vị quản lý, vận hành, khai thác khu công nghệ số tập trung

1. Đối với khu công nghệ số tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập đơn vị quản lý hoặc giao cơ quan trực thuộc thực hiện công tác quản lý, vận hành, khai thác và ban hành quy chế hoạt động khu công nghệ số tập trung.

2. Đối với khu công nghệ số tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn khác, chủ đầu tư tự quyết định mô hình đơn vị quản lý, vận hành, khai thác khu công nghệ số tập trung phù hợp theo quy định của pháp luật

## Điều 25. Nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị quản lý, vận hành, khai thác khu công nghệ số tập trung

Đơn vị quản lý khu công nghệ số tập trung có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Quản lý, vận hành và khai thác khu công nghệ số tập trung theo quy định của pháp luật.
2. Cung ứng dịch vụ phục vụ cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh sản phẩm công nghệ số và các hoạt động khác có liên quan của doanh nghiệp trong khu công nghệ số tập trung.
3. Thực hiện các hoạt động xúc tiến và thu hút đầu tư;
4. Góp ý các dự án đầu tư vào khu công nghệ số tập trung;
5. Giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư tại khu công nghệ số tập trung;

Thực hiện các nhiệm vụ theo ủy quyền hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước phù hợp theo quy định pháp luật.

# Chương V QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KHU CÔNG NGHỆ SỐ TẬP TRUNG

## Điều 26. Nội dung quản lý nhà nước đối với khu công nghệ số tập trung

1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình và cơ chế, chính sách phát triển khu công nghệ số tập trung.

2. Quy định và hướng dẫn việc thành lập, xây dựng, phát triển và quản lý hoạt động của khu công nghệ số tập trung.

3. Cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các loại giấy phép, chứng chỉ, chứng nhận, tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính nhà nước và dịch vụ hỗ trợ có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong khu công nghệ số tập trung.

4. Tổ chức bộ máy, đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cơ quan quản lý nhà nước về khu công nghệ số tập trung.

5. Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá hiệu quả đầu tư; kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hình thành, phát triển và hoạt động khu công nghệ số tập trung.

## Điều 27. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với khu công nghệ số tập trung

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với khu công nghệ số tập trung trong phạm vi cả nước trên cơ sở phân công nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của từng Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định này; chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển và ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về khu công nghệ số tập trung.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc quản lý nhà nước về khu công nghệ số tập trung trên phạm vi cả nước;

b) Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các cơ chế, chính sách phát triển khu công nghệ số tập trung;

c) Tổ chức kiểm tra, đánh giá, thanh tra việc xây dựng, phát triển, quản lý và hoạt động của các khu công nghệ số tập trung;

d) Xây dựng nền tảng số để hỗ trợ, phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ, thực hiện hoạt động quản lý, vận hành và phát triển đối với khu công nghệ số tập trung; hỗ trợ các doanh nghiệp trong khu công nghệ số tập trung kết nối, sử dụng các dịch vụ do cơ quan nhà nước và tổ chức quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác khu công nghệ số tập trung.

Kinh phí xây dựng, vận hành nền tảng số quản lý, vận hành khu công nghệ số tập trung được lấy từ nguồn vốn ngân sách nhà nước từ nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp công nghệ số.

3. Các Bộ, cơ quan liên quan thực hiện quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ của mình đối với hoạt động của khu công nghệ số tập trung hoặc ủy quyền cho tổ chức quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác khu công nghệ số tập trung thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chủ trì xây dựng và chỉ đạo thực hiện phương án phát triển hệ thống khu công nghệ số tập trung trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư, phê duyệt lựa chọn nhà đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung theo quy định pháp luật về công nghiệp công nghệ số, đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức;

c) Quyết định công nhận khu công nghệ số tập trung;

d) Chủ trì xây dựng kế hoạch và cân đối vốn để đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào khu công nghiệp, hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của khu kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định tại Nghị định này;

đ) Quy hoạch đất xây dựng khu tái định cư và các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong khu công nghệ số tập trung; hỗ trợ đầu tư xây dựng khu tái định cư, công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội theo quy định của pháp luật; hỗ trợ xúc tiến đầu tư, thương mại; hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh quá trình đầu tư và phát triển khu công nghệ số tập trung;

e) Chỉ đạo thực hiện việc thu hồi diện tích đất, mặt nước, bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định canh, tái định cư và thực hiện các thủ tục cho thuê hoặc giao đất trong khu công nghệ số tập trung theo quy định pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan;

g) Chỉ đạo các tổ chức có liên quan lập kế hoạch đầu tư và tổ chức xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung đáp ứng nhu cầu phát triển;

h) Xây dựng và ban hành các chính sách ưu đãi và khuyến khích hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung, doanh nghiệp và người lao động trong khu công nghệ số tập trung từ ngân sách địa phương phù hợp với quy định của pháp luật;

i) Tổ chức kiểm tra, thanh tra và giám sát việc xây dựng, phát triển, quản lý và hoạt động của các khu công nghệ số tập trung trên địa bàn. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền thì phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ giải quyết hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

h) Giao Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế hoặc cơ quan có thẩm quyền trực thuộc thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với khu công nghệ số tập trung trên địa bàn tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương theo quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan; quản lý và tổ chức thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp trong khu công nghệ số tập trung.

# Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

## Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về khu công nghệ thông tin tập trung hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Các khu công nghệ thông tin tập trung được công nhận, thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực tiếp tục được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của Nghị định này.

4. Các khu công nghệ thông tin tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã được thành lập, mở rộng và công nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì phương án quản lý, vận hành và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung tiếp tục thực hiện theo hình thức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực TW;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KSTT (2b). | **TM. CHÍNH PHỦ**  **THỦ TƯỚNG**  **Phạm Minh Chính** |